TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯƠNG SƠN** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 18/2025/QĐST-HNGĐ	H, *ngày 03 tháng 4 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 33, Điều 59 và Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 207, Điều 210 và Điều 213 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 144 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 6 Điều 19, điểm d khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Căn cứ vào biên bản thỏa thuận phân chia tài sản chung lập ngày 25 tháng 3 năm 2025 được xác nhận của UBND xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh cũng như đơn đề nghị Tòa án ghi nội dung đã thỏa thuận vào Biên bản hoà giải thành ngày 26/3/2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án thụ lý số 113/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2024;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự trước lúc đến Tòa được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nghi vào biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Bị đơn: Ông Phan Văn H, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Phan Văn H và bà Trần Thị T đã ly hôn theo theo bản án số 04/2023/HNGD-ST, ngày 06 tháng 04 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh nhưng chưa phân chia tài sản chung. Đôi bên thỏa thuận

thống nhất trước lúc đến hòa giải và được lập văn bản có xác nhận của UBND xã S, huyện H vào ngày 25 tháng 3 năm 2025, trong thời kỳ hôn nhân ông H, bà T tạo lập được khối tài sản chung gồm có:

+ Thửa đất số 132, tờ bản đồ 50, tại thôn K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, đã được UBND huyện H cấp đổi giấy CNQSD đất số BT 054395, năm 2013 mang tên Phan Văn H và Trần Thị T có diện tích 315,2 m^2 đất trị giá 1.000.000.000 đồng.

+ 01 ngôi nhà cấp 4, xây tường gồm 01 tầng nằm trên thửa đất số 132, tờ bản đồ 50, tại thôn K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, đã được UBND huyện H cấp đổi giấy CNQSD đất số BT 054395, năm 2013 mang tên Phan Văn H và Trần Thị T có giá trị 200.000.000 đồng.

+ Thửa đất số 561, khoảnh 5, tiểu khu D, tờ bản đồ 04, tại vùng K, thôn Đ, nay là thôn K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh có diện tích 36.000m^2, mục đích sử dụng khoanh nuôi, bảo vệ rừng sản xuất, thời hạn sử dụng đến ngày 14/4/2058, đã được UBND huyện H cấp giấy CNQSD đất số AK288553, ngày 14/4/2008 mang tên Phan Văn H và Trần Thị T có giá trị 50.000.000 đồng.

2.2. Bà Trần Thị T và ông Phan Văn H thỏa thuận thống nhất phân chia tài sản chung trước lúc đến hòa giải và được lập thành văn bản có xác nhận của UBND xã S, huyện H vào ngày 25 tháng 3 năm 2025 và đề nghị Tòa án ghi nhận vào biên bản hòa giải thành nội dung tự thỏa thuận phân chia tài sản trên như sau:

+ Ông Phan Văn H được sở hữu 01 ngôi nhà cấp 4, xây tường gồm 01 tầng nằm trên thửa đất số 132, tờ bản đồ 50, tại thôn K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, đã được UBND huyện H cấp đổi giấy CNQSD đất số BT 054395, năm 2013 mang tên Phan Văn H và Trần Thị T có giá trị 200.000.000 đồng.

Ông Phan Văn H được quản lý, sử dụng:

+ Thửa đất số 132, tờ bản đồ 50, tại thôn K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, đã được UBND huyện H cấp đổi giấy CNQSD đất số BT 054395, năm 2013 mang tên Phan Văn H và Trần Thị T có diện tích 315,2 m^2 đất trị giá 1.000.000.000 đồng.

+ Thửa đất số 561, khoảnh 5, tiểu khu D, tờ bản đồ 04, tại vùng K, thôn Đ, nay là thôn K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh có diện tích 36.000m^2, mục đích sử dụng khoanh nuôi, bảo vệ rừng sản xuất, thời hạn sử dụng đến ngày 14/4/2058, đã được UBND huyện H cấp giấy CNQSD đất số AK288553, ngày 14/4/2008 mang tên Phan Văn H và Trần Thị T có giá trị 50.000.000 đồng.

+ Tổng các tài sản trên ông H được sở hữu và quản lý, sử dụng có giá trị là 1.250.000.000 đồng (một tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng). Ông Phan Văn H thanh toán cho bà Trần Thị T số tiền chênh lệch giá trị tài sản là 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng). Bà Trần Thị T được sở hữu số tiền 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng) do ông H thanh toán. Số tiền này bà T đã nhận đủ.

- Các đương sự có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

+ Các đương sự thỏa thuận thống nhất phân chia tài sản chung trước lúc đến Tòa án hòa giải nên bà Trần Thị T và ông Phan Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với việc phân chia tài sản chung.

+ Trả lại cho bà Trần Thị T 33.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0002967, ngày 16 tháng 12 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương Sơn tỉnh Hà Tĩnh

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Hương Sơn;
- Chi cục THADS huyện Hương Sơn;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

Phạm Đức Quang